

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 24-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Bế Chiến

Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên
Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Bà Chung Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 103/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hoàng Thị A - sinh năm 1991; HKTT: xóm 9, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Hoàng Quốc B - sinh năm 1989; HKTT: tổ 15, phường D, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- Người kháng cáo: Anh Hoàng Quốc B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Hoàng Thị A trình bày: Chị A và anh Hoàng Quốc B kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2017, có đăng ký kết hôn

ngày 10/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể, đỉnh điểm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến cãi chửi nhau, có xảy ra xô xát nhưng không có thương tích. Mâu thuẫn có gia đình hai bên biết và khuyên bảo, vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Gia Hưng (sinh ngày 22/3/2017; Giới tính: Nam). Khi ly hôn, chị A có ý kiến giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng chẵn*), ngoài ra chị A sẽ tự thỏa thuận cấp dưỡng thêm cho anh B các khoản chi phí phát sinh khác tùy theo khả năng thu nhập và thực tế chi phí nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Hoàng Quốc B trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn phù hợp với lời khai của chị A. Trong quá trình chung sống, về thời điểm phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng như chị A trình bày. Mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên khuyên bảo và hai vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh B xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung là Hoàng Gia Hưng (sinh ngày 22/3/2017; Giới tính: Nam). Khi ly hôn, anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu chị A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng chẵn*).

Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 11/7/2022 anh B và chị A đều nhất trí thuận tình ly hôn, hai bên thống nhất giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) nhưng sau đó anh B tự ý bỏ về không ký biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Hoàng Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Hoàng Quốc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng

mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh với tổ trưởng dân phố đề ngày 29/7/2022 thể hiện: Anh Hoàng Quốc B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 15 (tổ 19 cũ) phường D, thành phố Cao Bằng. Có vợ là chị Hoàng Thị A (Địa chỉ: xã C, thành phố Cao Bằng). Hiện nay anh B và chị A đã ly thân từ năm 2019, chị A hiện nay ở đâu tổ dân phố không nắm được. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng chưa có tổ dân phố giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2022/HNGĐ-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị A và anh Hoàng Quốc B.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia Hưng (sinh ngày 22/3/2017; Giới tính: Nam) cho anh Hoàng Quốc B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng chẵn*), thời gian thực hiện cấp dưỡng tính kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B không yêu cầu nên không giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 03/10/2022 bị đơn Hoàng Quốc B có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án hôn nhân gia đình số 103/2022/HNGĐ-ST ngày 14-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Hoàng Quốc B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Tôi không nhất trí với quyết định cho ly hôn của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, chấp nhận mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng nhưng hình thức cấp dưỡng không rõ ràng và hàng tháng cấp dưỡng vào thời gian nào, chuyển khoản, đưa trực tiếp hoặc đi lấy ở đâu; đăng ký xe máy số đăng kiểm xe 11F1-9068 và giấy phép lái xe chưa được chuyển cho tôi. Do vậy tôi đề nghị HĐXX xem xét lại bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo của bị đơn Hoàng Quốc B không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn, nộp trong thời hạn luật định, bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo và căn cứ kháng cáo của bị đơn Hoàng Quốc B:

Yêu cầu kháng cáo: Anh B Đề nghị HĐXX xem xét lại bản án sơ thẩm về việc ly hôn, quy định cụ thể về hình thức cấp dưỡng; yêu cầu được nhận lại đăng ký xe máy, số đăng kiểm 11F7-9098 và giấy phép lái xe máy, ô tô đứng tên mình.

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị A và anh Hoàng Quốc B có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều

8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có cãi chửi nhau và xảy ra xô xát nhưng không có thương tích xảy ra. Quá trình mâu thuẫn có gia đình hai bên biết và khuyên bảo, vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay và không còn quan tâm, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Từ khi thụ lý vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cho đến thời điểm xét xử phúc thẩm, cả hai bên đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy HĐXX phúc thẩm nhận thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án sơ thẩm cho chị A ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về phần cấp dưỡng: Tại bản án sơ thẩm không quy định cụ thể hình thức cấp dưỡng như thực hiện nghĩa vụ vào thời điểm nào, chuyển khoản hay đưa trực tiếp. Quy định như vậy là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, vẫn đảm bảo điều kiện thi hành án. Bởi lẽ, hai bên không thỏa thuận về hình thức cấp dưỡng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm. Mặt khác việc đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật thuộc về cơ quan thi hành án dân sự, anh B- chị A có thể thỏa thuận hình thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng dưới sự giám sát của cơ quan chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

Về các giấy tờ đăng ký xe máy 11F1-9068, Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 đồng thời là giấy phép lái xe ô tô hạng B2. Tại phiên tòa hôm nay anh Khánh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị Huệ có trách nhiệm trả cho anh. HĐXX phúc thẩm xét thấy tại Tòa án sơ thẩm anh Khánh không có yêu cầu nên tòa án sơ thẩm đã không xem xét giải quyết, do đó Tòa án phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét giải quyết nội dung này.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy kháng cáo của anh Hoàng Quốc B là không có căn cứ, cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng Quốc B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Hoàng Quốc B. Giữ nguyên quyết định của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2022/HNGĐ-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm:

Anh Hoàng Quốc B phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước, xác nhận anh B đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0003253 ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại chi cục thi hành án dân sự thành Phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS Thành phố CB;
- TAND Thành phố CB;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bê Chiến